

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO NHÂN LỰC TOÀN CẦU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO NHÂN LỰC TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL MANPOWER TRAINING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108182468

**3. Ngày thành lập:** 13/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 2, Lô 42-BT4, Khu đô thị mới Cầu Bươu, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936 818 312

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: - Tư vấn giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8560(Chính) |
| 2.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8121        |
| 3.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu ; Các xưởng hoá chất;<br>- Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; đập và đê;<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời. | 4290        |
| 4.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dạy ngoại ngữ;<br>- Dạy máy tính.                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8559        |
| 5.  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm: cho thuê lại lao động; giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);                                                                               | 7810        |
| 6.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1010        |
| 7.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1020        |
| 8.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1030        |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3313        |
| 10. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3314        |
| 11. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3320        |
| 12. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4100        |
| 13. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4220        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4321        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                                                                                                                | 8299        |
| 17. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9311        |
| 18. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>(Không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền)                                                                                                                                                                                                                        | 9610        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BACH CHIẾN CÔNG | Số 66, ngõ Xã Đàn 2, đường Xã Đàn, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 81.000     | 810.000.000           | 45,000    | 001086001484                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                              | Tổng số           | 81.000     | 810.000.000           | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN MINH TUÂN  | Khu Kìेत Thượng, Phường Văn An, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 50,000    | 030081000838                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                              | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | BẠCH ĐÌNH CHIẾN | Số 66, ngõ Xã Đàn 2, đường Xã Đàn, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 9.000      | 90.000.000            | 5,000     | 010332650                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                              | Tổng số           | 9.000      | 90.000.000            | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN MINH TUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 02/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 030081000838

Ngày cấp: 20/11/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu Kiệt Thượng, Phường Văn An, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P 2242, CT10A, Chung cư Đại Thanh, Đường Cầu Bươu, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội